



# CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 25

Ngày 10 tháng 12 năm 2025

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

14-11-2025	Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực với các cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	3
21-11-2025	Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	18
27-11-2025	Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý an toàn điện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	25
08-12-2025	Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên	41
08-12-2025	Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	47

09-12-2025

Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ban hành Quy  
chế phối hợp quản lý và phát triển thương mại điện  
tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

57

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2025/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực với các cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên tại Tờ trình số 53/TTr-TTPTQĐ ngày 31/10/2025.*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực với các cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực với các cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/11/2025.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực với các cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND  
ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực (viết tắt là Trung tâm Phát triển quỹ đất); các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

##### Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan phải bảo đảm các nguyên tắc được quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, cụ thể:

- Bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, kịp thời, công khai, minh bạch.
- Xác định rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; nội dung, thời hạn, cách thức thực hiện; chế độ thông tin, báo cáo.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế tổ chức hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

**Điều 4. Các nhiệm vụ và phương thức phối hợp****1. Nhiệm vụ phối hợp**

a) Phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và thực hiện các dịch vụ trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Phối hợp trong công tác phát triển, quản lý và khai thác quỹ đất.

**2. Phương thức phối hợp**

a) Lấy ý kiến bằng văn bản

Cơ quan chủ trì có văn bản đề nghị gửi đến các cơ quan phối hợp, trong văn bản quy định thời hạn để cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời theo thời hạn yêu cầu của cơ quan chủ trì. Cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp.

b) Lấy ý kiến trực tiếp tại cuộc họp hoặc phối hợp kiểm tra thực địa

Cơ quan chủ trì tổ chức cuộc họp hoặc kiểm tra thực địa có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan và gửi cho các cơ quan phối hợp trước thời gian tổ chức cuộc họp hoặc kiểm tra thực địa ít nhất 03 ngày làm việc. Có giấy mời họp hoặc kiểm tra thực địa, trong đó xác định thành phần tham dự, thời gian, địa điểm, nội dung cuộc họp hoặc kiểm tra thực địa. Trường hợp tổ chức họp hoặc kiểm tra thực địa đột xuất, chưa chuẩn bị được tài liệu, nội dung thì nêu rõ lý do bằng văn bản.

Cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử cán bộ tham gia đúng thành phần theo văn bản mời, việc từ chối tham gia hoặc cử người đi thay phải thông báo nêu rõ lý do bằng văn bản cho cơ quan chủ trì biết.

Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ nội dung cuộc họp hoặc buổi kiểm tra thực địa bằng văn bản. Kết thúc cuộc họp hoặc buổi kiểm tra thực địa, các thành viên tham gia họp có trách nhiệm ký vào biên bản để xác nhận ý kiến của mình, cơ quan chủ trì thực hiện lưu biên bản cuộc họp, kiểm tra hồ sơ theo quy định.

c) Các phương thức phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Chương II****PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT VÀ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TRONG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ****Mục 1. PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT****Điều 5. Phối hợp trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan căn cứ, điều kiện thu hồi đất quy định tại Điều 80 Luật Đất đai xây dựng dự thảo kế hoạch thu hồi đất gồm các nội dung được quy định tại Điều 28 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; gửi hồ sơ và dự thảo kế hoạch đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã.

b) Phối hợp các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp với người có đất trong khu vực thu hồi để phổ biến, tiếp nhận ý kiến.

## 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

Chỉ đạo phòng chuyên môn có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt hoặc ban hành kế hoạch thu hồi đất. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch thu hồi đất; tổ chức tuyên truyền mục đích thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Chủ trì, phối hợp với Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức họp với người có đất trong khu vực thu hồi để phổ biến, tiếp nhận ý kiến; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; đề cử người đại diện các hộ dân có đất thu hồi tham gia quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai và cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin điều tra cơ bản ban đầu về chủ sử dụng đất; các văn bản pháp lý xác định chỉ giới hành lang an toàn đường bộ, chỉ giới xây dựng; quy hoạch đô thị được phê duyệt; xác nhận các trường hợp có diện tích đất rừng, hiện trạng rừng và diện tích nuôi trồng thủy hải sản; hướng dẫn các thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng (nếu có).

Chỉ đạo phòng chuyên môn thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; kinh phí tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thu hồi đất và bố trí kinh phí thực hiện.

b) Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm trích lục bản đồ địa chính, cung cấp thông tin địa chính các thửa đất trong khu vực thu hồi đất.

c) Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất hồ sơ dự án, thủ tục có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; ranh, cọc mốc của dự án. Tham gia, phối hợp trong quá trình thực hiện.

## **Điều 6. Phối hợp trong việc ban hành thông báo thu hồi đất**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách các trường hợp có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có), gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã để kiểm tra.

2. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra hồ sơ và tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành thông báo thu hồi đất.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các nội dung tại điểm b khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai.

### **Điều 7. Phối hợp trong xác định giá đất cụ thể**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã xác định giá đất, cung cấp phương án giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định; phối hợp cung cấp hồ sơ và các tài liệu có liên quan theo quy định gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã để làm cơ sở xác định giá đất cụ thể.

2. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm phối hợp cung cấp hồ sơ và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã để làm cơ sở xác định giá đất cụ thể.

3. Cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp cung cấp hồ sơ và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã để làm cơ sở xác định giá đất cụ thể.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể, để thẩm định phương án giá đất theo quy định.

a) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã cung cấp phương án giá đất cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chủ trì, phối hợp với Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể, các cơ quan có liên quan để tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đồng thời với việc thẩm định phương án giá đất.

**Điều 8. Phối hợp trong việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm

a) Có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cử đại diện tham gia việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và người đại diện các hộ dân có đất thu hồi thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi, thu nhận hồ sơ pháp lý của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có).

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các sở, ngành và các đơn vị có liên quan xác minh bổ sung các thông tin, hồ sơ cần thiết để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng quy định trong trường hợp kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm chưa đủ cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

d) Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai trong trường hợp người có đất thu hồi không phối hợp trong việc điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm.

đ) Phối hợp các cơ quan chuyên môn cấp xã, Sở, ngành có liên quan tổ chức xác định các công trình xây dựng, tài sản khác đối với trường hợp đặc biệt không thể xác định được tính chất của công trình, tài sản hoặc người có tài sản không đồng ý với kết quả xác định loại công trình, tài sản do đơn vị làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã kê khai.

## 2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Quản lý chặt chẽ việc xây dựng, coi nới, trồng cây lâu năm,...trong phạm vi thông báo thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật. Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn.

b) Cử cán bộ phòng chuyên môn, đại diện thôn, xóm, tổ dân phố tham gia phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất trong suốt thời gian kiểm đếm đất đai và tài sản gắn liền với đất.

c) Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất, Văn phòng đăng ký đất đai rà soát, xác nhận thông tin hồ sơ địa chính khu đất thu hồi đối với những thửa đất (theo bản đồ tổng thể khu đất, dự án được phê duyệt) có biến động so với danh sách điều tra cơ bản ban đầu làm cơ sở thực hiện việc kiểm đếm đất đai và tài sản gắn liền với đất.

d) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp nơi có đất thu hồi và Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai trong trường hợp người có đất thu hồi không phối hợp thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm.

đ) Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 9. Phối hợp trong việc ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm có văn bản đề nghị ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) không hợp tác kiểm đếm hoặc không chấp hành quyết định kiểm đếm bắt buộc sau khi đã vận động, thuyết phục. Tham gia cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc.

2. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã có trách nhiệm tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc, giao các phòng chuyên môn và đơn vị liên quan phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 88 Luật Đất đai và Điều 36 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tham gia cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc.

**Điều 10. Phối hợp trong việc điều tra, xác định, thống kê đầy đủ các thiệt hại thực tế về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; thu nhập từ việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi, nguyện vọng tái định cư, chuyển đổi nghề**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có văn bản (kèm theo hồ sơ của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp điều tra, xác định, thống kê đầy đủ các thiệt hại thực tế về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; thu nhập từ việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi, nguyện vọng tái định cư, chuyển đổi nghề để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và đề nghị các cơ quan khác có liên quan thẩm tra, xác minh các nội dung về đất đai, công trình xây dựng, tài sản khác, cây trồng,

con giống, vật nuôi; nhân khẩu, thu nhập, tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp ... theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất.

Phối hợp giải quyết các nội dung liên quan đến tặng cho, thừa kế, tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất và các nội dung khác có liên quan.

Xác định quỹ đất tái định cư tại địa phương để lập phương án tái định cư, phương án bồi thường bằng đất, giao đất ở có thu tiền. Tổ chức xét duyệt điều kiện bố trí tái định cư để lập phương án tái định cư.

Ký xác nhận các hồ sơ kiểm kê; xác nhận bằng văn bản về thời điểm, nguồn gốc pháp lý đất đai, công trình xây dựng, cây trồng, con giống, vật nuôi; nhân khẩu, thu nhập, tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp, hộ phải di chuyển, không phải di chuyển chỗ ở ... theo thẩm quyền, gửi kết quả xác nhận về Trung tâm Phát triển quỹ đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm xác nhận, cung cấp thông tin địa chính liên quan đến thửa đất thu hồi; cung cấp thông tin về tình trạng không có nhà ở, đất ở theo đề nghị của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã hoặc đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

c) Cơ quan thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin về nghĩa vụ tài chính và xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế.

d) Công an cấp xã có trách nhiệm xác nhận thông tin về cư trú theo quy định.

### **Điều 11. Phối hợp trong việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

#### **1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm**

a) Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai và Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thẩm định.

b) Chủ động đề xuất phương án giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và các Sở, ngành liên quan để kịp thời giải quyết.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; hoàn chỉnh phương án để trình chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### **2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan**

a) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể, các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định

phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đồng thời với việc thẩm định phương án giá đất; tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt. Đối với các dự án yêu cầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện thẩm định đồng thời dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, phương án giá đất trong thời gian niêm yết, gửi ý kiến thẩm định cho Trung tâm Phát triển quỹ đất để chỉnh sửa, hoàn thiện phương án.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; tiếp thu, giải trình, giải quyết các ý kiến tham gia vào phương án giá đất, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp tổ chức đối thoại, giải quyết các ý kiến vướng mắc với các trường hợp chưa đồng ý với phương án công khai để hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phương án giá đất đồng thời trong cùng một quyết định.

## **Điều 12. Phối hợp trong việc thực hiện quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi. Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

b) Thông báo thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ gửi đến người có đất, tài sản thu hồi.

c) Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất thu hồi theo Điều 94 Luật Đất đai. Chịu trách nhiệm thu hồi toàn bộ giấy tờ về nhà, đất (bản chính) chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để quản lý hoặc chỉnh lý theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

Chỉ đạo các phòng chuyên môn và đơn vị liên quan phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tổ chức thực hiện quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chỉ đạo, phân công cán bộ phối hợp tổ chức chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất thu hồi.

Chủ trì, tổ chức tuyên truyền, vận động nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt đối với các trường hợp không đồng ý nhận tiền.

Tổ chức thực hiện phương án tái định cư.

Chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

Ban hành quyết định giao đất ở tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức giao đất tại thực địa theo quyết định giao đất.

c) Chủ đầu tư có trách nhiệm đảm bảo kinh phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; nhận và quản lý ranh mốc đã được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Trung tâm Phát triển quỹ đất giao; phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất lập hồ sơ thanh quyết toán theo quy định.

**Điều 13. Phối hợp trong việc thực hiện vận động, thuyết phục người có đất thu hồi không đồng ý hoặc không phối hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã vận động, thuyết phục người có đất thu hồi thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Trung tâm Phát triển quỹ đất, Chủ đầu tư dự án vận động, thuyết phục người có đất thu hồi thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bàn giao mặt bằng theo quy định.

**Điều 14. Phối hợp trong việc ban hành quyết định thu hồi đất và thực hiện quyết định thu hồi đất**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm

a) Có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định.

b) Phối hợp với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai quyết định thu hồi đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

c) Quản lý đất đã được thu hồi theo quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai mà chưa giao đất, cho thuê đất sử dụng tại khu vực đô thị.

d) Đối với đất đã thu hồi để thực hiện dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai, Trung tâm Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp nhận và bàn giao cho chủ đầu tư.

đ) Chuyển hồ sơ thu hồi đất đến Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp (đối với trường hợp không thu hồi hết toàn bộ diện tích trên Giấy chứng nhận đã cấp) hoặc thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp (đối với trường hợp thu hồi toàn bộ diện tích trên Giấy chứng nhận đã cấp) cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính và quản lý theo quy định. Các giấy tờ Trung tâm Phát triển quỹ đất cung cấp bao gồm: Giấy chứng nhận đã cấp, bản đồ thu hồi đất (bản giấy và bản số), quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thực hiện thu hồi đất, biên bản chi trả tiền và bàn giao mặt bằng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo phòng chuyên môn xem xét, thẩm định, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thu hồi đất.

b) Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện việc niêm yết công khai quyết định thu hồi đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

c) Quản lý đất đã được thu hồi theo quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai mà chưa giao đất, cho thuê đất sử dụng tại khu vực nông thôn.

d) Đối với đất thu hồi để thực hiện dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý diện tích đã thu hồi để chờ bàn giao cho Chủ đầu tư.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý biến động diện tích thu hồi vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận) đối với trường hợp thu hồi một phần diện tích ghi trong Giấy chứng nhận; thu hồi Giấy chứng nhận đối với trường hợp thu hồi hết diện tích đất; cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

**Điều 15. Phối hợp cưỡng chế thu hồi đất trong trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không bàn giao đất cho Tổ chức phát triển quỹ đất**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã vận động, thuyết phục người có đất thu hồi bàn giao đất. Tham gia thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.

**2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:**

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp nơi có đất thu hồi và Trung tâm Phát triển quỹ đất vận động, thuyết phục người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bàn giao đất cho Tổ chức phát triển quỹ đất; việc tổ chức vận động, thuyết phục được tiến hành theo quy định và phải được thể hiện bằng văn bản.

Chỉ đạo phòng chuyên môn tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định.

**Điều 16. Quyết toán kinh phí bồi thường:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

**Mục 2. PHỐI HỢP THỰC HIỆN DỊCH VỤ VỀ CÔNG TÁC  
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ****Điều 17. Phối hợp thực hiện dịch vụ trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất**

1. Trên cơ sở hợp đồng ký với chủ đầu tư, Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm xây dựng và tổ chức kế hoạch thực hiện các nội dung công việc theo hợp đồng ký kết, báo cáo cơ quan có thẩm quyền các nội dung được giao theo quy định của pháp luật. Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Mục 1 Chương II của Quy chế phối hợp này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện dịch vụ về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất theo các nội dung quy định tại Mục 1 Chương II của Quy chế phối hợp này.

**Chương III****PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN VÀ  
KHAI THÁC QUỸ ĐẤT****Điều 18. Phối hợp trong công tác quản lý quỹ đất**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý và khai thác quỹ đất theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Đất đai.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm

a) Quản lý quỹ đất đã thu hồi, quỹ đất được giao theo quy định; không để xảy ra tình trạng lấn, chiếm trái phép.

b) Khôi phục mốc giới, ranh giới trong trường hợp mất, hư hỏng (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện quản lý quỹ đất theo quy định.

### **Điều 19. Phối hợp thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất**

1. Trên cơ sở quỹ đất đang được giao quản lý, Trung tâm Phát triển quỹ đất lập kế hoạch, danh mục các khu đất thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hàng năm, lập phương án đấu giá, chuẩn bị hồ sơ của khu đất, thửa đất đấu giá liên quan đến việc xác định giá khởi điểm, lập hồ sơ đấu giá, lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện đấu giá đề nghị cơ quan có chức năng quản lý đất đai cùng cấp, cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định; lập hồ sơ gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai để trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá thành hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền trong trường hợp đấu giá không thành; phối hợp thực hiện bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá theo quy định và thực hiện các công việc khác theo thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh/UBND tỉnh quy định tại Điều 229 Luật Đất đai và các quy định liên quan.

3. Kinh phí tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đấu giá tài sản và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất bằng văn bản cho người đã trúng đấu giá theo quy định của pháp luật; đôn đốc người trúng đấu giá thực hiện nghĩa vụ tài chính và thông báo cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai về việc người trúng đấu giá đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

5. Các cơ quan khác có liên quan phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện các công việc theo thẩm quyền.

**Điều 20. Phối hợp trong việc lập và thực hiện dự án tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất**

1. Trên cơ sở quỹ đất được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao thực hiện dự án tạo quỹ đất theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, Trung tâm Phát triển quỹ đất lập báo cáo và trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư; xây dựng và trình phê duyệt kế hoạch vốn, sử dụng vốn đúng quy định; thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư, đảm bảo đấu giá khu đất đúng tiến độ.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan

a) Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện các nội dung công việc theo thẩm quyền; thường xuyên theo dõi, đôn đốc và tạo điều kiện cho Trung tâm Phát triển quỹ đất trong quá trình triển khai dự án.

b) Cơ quan tài chính, Quỹ phát triển đất và các tổ chức tài chính khác: Trên cơ sở kế hoạch ứng vốn do Trung tâm Phát triển quỹ đất đề xuất và khả năng cân đối vốn, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nguồn kinh phí ứng vốn đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án theo chỉ đạo của UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền; hướng dẫn thủ tục hoàn vốn ứng theo quy định.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

1. Các sở, ngành: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cơ quan thuế, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị, tổ chức có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2025/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 11 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

#### **Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 1804/TTr-SDTTG ngày 11 tháng 11 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### **Điều 2.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

2. Các quyết định sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025:

a) Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Quang Nhất**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025)*

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- Quy chế này áp dụng cho các cơ quan, đơn vị làm công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và các lĩnh vực liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo như: đất đai, xây dựng, di sản văn hoá, quốc phòng, an ninh... và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

#### Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

- Bảo đảm chủ động, thường xuyên, kịp thời, đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và các lĩnh vực liên quan.
- Công việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nào thì cơ quan đó chủ động chủ trì giải quyết; các cơ quan khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tích cực phối hợp.

#### Điều 3. Phương thức phối hợp

- Tổ chức các cuộc họp; trao đổi thông tin, tài liệu bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định. Cơ quan phát hiện vấn đề phát sinh có trách nhiệm kịp thời báo cáo, thông tin, trao đổi với các cơ quan liên quan để thống nhất biện pháp xử lý cho phù hợp.
- Thành lập tổ công tác liên ngành; cử cán bộ, công chức tham gia các hoạt động liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo do các cơ quan, đơn vị tổ chức.

### Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP

#### Điều 4. Nội dung phối hợp chung

1. Xây dựng, ban hành, đánh giá việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và lĩnh vực có liên quan.
2. Phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và pháp luật có liên quan; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo.
3. Quản lý, giải quyết nhu cầu của tổ chức, cá nhân tín ngưỡng, tôn giáo về hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo, bao gồm hoạt động quản lý tổ chức của tổ chức tôn giáo, hoạt động truyền bá, sinh hoạt tôn giáo.
4. Quản lý, giải quyết nhu cầu về sử dụng đất, xây dựng và các nhu cầu khác của tổ chức, cá nhân tín ngưỡng, tôn giáo.
5. Đấu tranh với hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, hoạt động của tổ chức, hội, nhóm bất hợp pháp, hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và pháp luật có liên quan.
6. Giải quyết những vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo và liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
7. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo về tín ngưỡng, tôn giáo.
8. Xây dựng, đánh giá việc thực hiện kế hoạch công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng, năm, giai đoạn và đột xuất.

#### **Điều 5. Nội dung Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm chủ trì**

1. Xây dựng, ban hành, đánh giá việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.
2. Công tác tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo và Nhân dân trên địa bàn tỉnh chấp hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.
3. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.
4. Quản lý, giải quyết nhu cầu của tổ chức, cá nhân tín ngưỡng, tôn giáo về hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo (bao gồm hoạt động quản lý tổ chức, nhân sự của tổ chức tôn giáo, hoạt động truyền bá, sinh hoạt tôn giáo) diễn ra trên địa bàn tỉnh.
5. Giải quyết những vấn đề cụ thể về hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

6. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

7. Tham mưu xây dựng, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh hằng năm và đột xuất.

8. Đánh giá kết quả, xây dựng phương hướng hằng tháng, quý, 6 tháng và đột xuất việc thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 6. Nội dung Công an tỉnh có trách nhiệm chủ trì**

Nắm tình hình, tham mưu giải quyết các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn ngay từ cơ sở. Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác đấu tranh, ngăn chặn hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, kích động gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hành vi vi phạm pháp luật của các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 7. Nội dung Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh có trách nhiệm chủ trì**

1. Tham mưu công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, đấu tranh, phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá Đảng và Nhà nước.

2. Giải quyết các vấn đề cụ thể về quốc phòng, quân sự liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

#### **Điều 8. Nội dung Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì**

1. Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá tình hình và công tác quản lý nhà nước, giải quyết nhu cầu sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Giải quyết vấn đề cụ thể về đất đai và lĩnh vực nông nghiệp và môi trường liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

#### **Điều 9. Nội dung Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì**

1. Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá tình hình và công tác quản lý nhà nước, giải quyết nhu cầu xây dựng công trình tôn giáo, công trình tín ngưỡng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Giải quyết vấn đề cụ thể về xây dựng công trình tôn giáo, công trình tín ngưỡng và lĩnh vực xây dựng liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

**Điều 10. Nội dung Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì**

1. Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá tình hình và công tác quản lý nhà nước về di sản gắn với tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.
2. Giải quyết các vấn đề cụ thể về kiểm kê, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo di tích và các nội dung khác trong công tác quản lý nhà nước về di sản gắn với tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

**Điều 11. Nội dung Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ trì**

1. Thực hiện công tác quản lý nhà nước, giải quyết nhu cầu về hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo, sử dụng đất vào mục đích tín ngưỡng, tôn giáo, xây dựng công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo; đấu tranh với hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã.
2. Giải quyết vấn đề về hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo và các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo xảy ra trên địa bàn xã, phường.

**Điều 12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

1. Nắm bắt, phản ánh kịp thời tới các cơ quan quản lý nhà nước về nhu cầu, nguyện vọng, kiến nghị của tổ chức, cá nhân tôn giáo và Nhân dân về tín ngưỡng, tôn giáo và lĩnh vực có liên quan. Thực hiện phản biện xã hội và giám sát đối với công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.
2. Tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân tín ngưỡng, tôn giáo và Nhân dân chấp hành pháp luật; giải quyết các vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo và lĩnh vực có liên quan.

**Điều 13. Nội dung các cơ quan, đơn vị khác có trách nhiệm chủ trì**

1. Tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá tình hình và công tác chuyên môn có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.
2. Giải quyết các vấn đề cụ thể thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

**Chương III****TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 14. Trách nhiệm của Sở Dân tộc và Tôn giáo**

Sở Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan thường trực trong thực hiện Quy chế này, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Quy chế.

**Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện tốt Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có nội dung không phù hợp, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Dân tộc và Tôn giáo để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2025/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định quản lý an toàn điện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;*

*Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3092/TTr-SCT ngày 18 tháng 11 năm 2025.*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý an toàn điện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý an toàn điện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về quản lý, đảm bảo an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc các đơn vị điện lực trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thanh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Quản lý an toàn điện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/2025/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định các nội dung về quản lý an toàn các công trình điện lực và an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể hóa các quy định tại khoản 4 Điều 67, khoản 9 Điều 68, khoản 8 Điều 69 Luật Điện lực năm 2024 và các quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc hoạt động khác có liên quan đến điện lực trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ được sử dụng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. *Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực* là vùng xung quanh công trình điện lực cần có biện pháp bảo vệ để bảo đảm an toàn cho con người và công trình điện lực, được xác định trên không, trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước tùy thuộc từng loại công trình điện lực.

2. *Hoạt động khác có liên quan đến điện lực* là các công tác của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến quản lý, lập, triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, công tác đầu tư các dự án, công trình xây dựng khác, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, xử lý cây, nhà ở, công trình xây dựng, đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy trong quản lý

sử dụng điện và hoạt động của cá nhân, tổ chức khác có ảnh hưởng đến công trình lưới điện và an toàn sử dụng điện.

### **Điều 3. Quy định chung**

Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực, sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong sử dụng điện, quy định tại Luật Điện lực, Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, đảm bảo các nguyên tắc:

1. Là trách nhiệm chung của tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân; đề cao sự chủ động trong phát hiện và phối hợp ngăn ngừa vi phạm với mục tiêu không còn vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực và mất an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn.

2. Các công trình điện lực xây dựng mới phải có hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực được xác định rõ ràng, không chồng lấn xâm phạm các công trình, nhà ở, dự án hợp pháp khác. Trong trường hợp cần thiết, có xảy ra chồng lấn hoặc ảnh hưởng đến các dự án, công trình xây dựng khác, làm giảm chức năng sử dụng của dự án, công trình hiện hữu phải có phương án đền bù theo quy định pháp luật. Nghiêm cấm việc nghiệm thu, đưa vào sử dụng các công trình điện lực chưa đảm bảo về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực.

3. Đảm bảo không vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực hiện có trong quá trình đầu tư, cải tạo các dự án, công trình xây dựng.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật, các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành trong đầu tư xây dựng, thẩm định, nghiệm thu, giám sát, kiểm tra các hệ thống có sử dụng điện; thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn trong cung ứng, sử dụng điện trên địa bàn tỉnh, đảm bảo không xảy ra vi phạm an toàn trong sử dụng điện.

5. Mọi hành vi vi phạm về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh phải được xử lý nghiêm, triệt để, kịp thời.

## **Chương II**

## QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, BẢO VỆ AN TOÀN CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC

### Điều 4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

#### 1. Sở Công Thương

a) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn điện trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn, giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị điện lực quản lý, vận hành lưới điện trên địa bàn rà soát, tổng hợp các trường hợp công trình không đủ điều kiện tồn tại trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn lưới điện, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Tổ chức tuyên truyền, tập huấn phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình điện lực; hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị điện lực và các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm ngăn ngừa, xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình điện lực trên địa bàn đúng quy định.

d) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo và các vấn đề liên quan đến bảo vệ an toàn công trình điện lực trên địa bàn theo thẩm quyền.

#### 2. Sở Tài chính

a) Phối hợp các sở, ban, ngành của tỉnh theo chức năng, lĩnh vực quản lý chuyên ngành trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ, xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định.

b) Phối hợp cung cấp thông tin về quy hoạch (khi nhận được đề nghị của cơ quan, đơn vị có liên quan) để phục vụ công tác lập hồ sơ đầu tư xây dựng, bảo vệ, xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định.

#### 3. Sở Xây dựng

a) Thực hiện trách nhiệm của cơ quan cấp phép xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng các dự án, công trình theo phân cấp; chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và cấp phép thi công các công trình điện lực trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định.

b) Kiểm tra chuyên ngành theo phân cấp đối với các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý; thực hiện cung cấp thông tin về quy hoạch theo phân cấp đối với

các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình điện theo quy định pháp luật về quy hoạch.

c) Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị điện lực kịp thời kiểm tra, xử lý, giải quyết theo thẩm quyền không để hoạt động xây dựng công trình vi phạm an toàn điện hoặc ảnh hưởng đến vận hành an toàn công trình điện lực.

#### 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xây dựng các công trình điện lực.

b) Hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để phục vụ đầu tư, cải tạo các dự án đầu tư công trình lưới điện và các dự án đầu tư xây dựng khác có liên quan đến công trình điện lực trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai năm 2024, Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và quy định tại Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

c) Chỉ đạo, giám sát và xử lý theo thẩm quyền trong hoạt động thẩm định, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng đất và hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định pháp luật.

#### 5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan truyền thông

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý về công tác thông tin tuyên truyền, chủ trì phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên và các cơ quan thông tin truyền thông của tỉnh, căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm tham gia, tuyên truyền về tầm quan trọng của công tác bảo vệ an toàn công trình điện lực, đảm bảo an toàn trong cung ứng, sử dụng điện trên địa bàn tỉnh.

#### 6. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, an toàn công trình điện lực trong phạm vi các đơn vị trực thuộc; phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban

nhân dân cấp xã trong tuyên truyền, phòng ngừa, kiểm tra, xử lý và ngăn chặn kịp thời các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định.

b) Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, Công an tại các xã, phường kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm về bảo vệ an toàn công trình điện lực, trộm cắp trang thiết bị lưới điện, phá hoại lưới điện, trộm cắp điện năng, ngăn chặn các hành vi thả điều, vật thể bay vi phạm khoảng cách quy định tại khoản 6 Điều 3, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

#### 7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, an toàn công trình điện lực trong phạm vi các đơn vị trực thuộc; tuyên truyền, giám sát, xử lý và ngăn chặn kịp thời các vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định.

b) Tham mưu, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý, cấp phép, giám sát phương tiện hoạt động bay gần hàng lang bảo vệ an toàn công trình điện lực quy định tại khoản 6 Điều 3, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chỉ đạo, giải quyết, xử lý các vi phạm về bảo vệ công trình điện lực và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định của pháp luật được quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ. Chủ trì, chủ động kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời theo thẩm quyền ngay từ đầu đối với các hành vi đầu tư, cải tạo sửa chữa công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để phát sinh vi phạm mới trên địa bàn.

2. Chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư công trình điện lực lập và thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, bồi thường thiệt hại về đất đai, tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai; quản lý, bảo vệ diện tích đất dành cho dự án và hành lang an toàn của công trình điện lực được quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

3. Khi công trình điện áp cao bị vi phạm hành lang bảo vệ an toàn hoặc có nguy cơ bị phá hoại, bị lấn chiếm phải có trách nhiệm khẩn trương phối hợp với các cơ quan chức năng, đơn vị điện lực quản lý vận hành lưới điện áp cao ngăn chặn, khắc phục, xử lý theo quy định.

4. Phối hợp với đơn vị điện lực quản lý vận hành lưới điện áp cao xử lý chặt tia phân cây trong và gần hành lang có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện quy định tại Điều 15 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; chủ trì xử lý trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu di dời được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền để xây dựng các công trình điện lực.

7. Tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về an toàn điện, các biện pháp bảo vệ công trình điện lực nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực góp phần phòng ngừa, giảm thiểu các rủi ro do vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực trên địa bàn.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị điện lực**

1. Có trách nhiệm và chủ động làm việc với Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan để được thỏa thuận vị trí hướng tuyến, xác định hành lang an toàn công trình điện lực khi thực hiện đầu tư, cải tạo các công trình điện lực theo quy định pháp luật. Tuân thủ quy định của pháp luật và của tỉnh trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng, sửa chữa, lắp đặt, thí nghiệm, kiểm định và bảo trì các thiết bị, công trình phụ trợ của lưới điện nhằm quản lý vận hành lưới điện an toàn.

2. Có trách nhiệm trả lời cơ quan cấp phép đúng thời hạn quy định, cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu về mặt bằng, vị trí công trình lưới điện áp cao đang quản lý, vận hành trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan cấp phép chuyên ngành, cơ quan chuyên môn về xây dựng của tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

3. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ an toàn công trình điện lực quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; có trách nhiệm phối hợp trong xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực quy định tại Điều 8 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; có trách nhiệm phối hợp trong sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của

Chính phủ; có trách nhiệm xử lý cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ. Có trách nhiệm công khai các quy trình, biểu mẫu, tài liệu phục vụ việc thỏa thuận đảm bảo an toàn điện để các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện trước khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa các công trình có ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực.

4. Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nội dung tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn điện.

5. Thường xuyên kiểm tra lưới điện thuộc phạm vi quản lý, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và các đơn vị điện lực khác tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định để kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện, xử lý các vi phạm về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực; chịu trách nhiệm lập biên bản, hồ sơ vụ việc và chuyển hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực gửi đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Tổng hợp, báo cáo tình hình hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực và kết quả xử lý điểm vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo đúng quy định.

6. Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, bố trí nguồn vốn từng bước hạ ngầm lưới điện trong khu vực phát triển đô thị đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực. Lập phương án đầu tư, cải tạo lưới điện theo quy hoạch nhằm khắc phục tình trạng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực. Quá trình thực hiện đầu tư cải tạo lưới điện phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn điện và pháp luật khác liên quan.

7. Đối với công trình điện không còn khai thác, sử dụng quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật Điện lực, phải chịu trách nhiệm tháo dỡ thu hồi các kết cấu của hạng mục, công trình lưới điện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện ngừng, giảm cung cấp điện theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn điện theo quy định; chịu trách nhiệm thông báo và giám sát các khách hàng sử dụng điện, không được cấp điện cho công trình vi phạm.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác**

1. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định chung về bảo vệ công trình điện lực Quy định tại Điều 67 Luật Điện lực và Điều 3 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

2. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ an toàn công trình điện lực quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; có trách nhiệm phối hợp trong xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực quy định tại Điều 8 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

3. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định của người sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực quy định tại Điều 14 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; có trách nhiệm xử lý cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao quy định tại Điều 15 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; có trách nhiệm thực hiện nếu thuộc trường hợp có nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong và gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không quy định tại Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

4. Có trách nhiệm chấp hành và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương về bảo vệ an toàn công trình điện lực; chịu trách nhiệm cùng với đơn vị điện lực tổ chức khắc phục các nội dung không đảm bảo an toàn công trình điện lực do các hoạt động của mình gây ra.

### **Chương III**

## **QUY ĐỊNH QUẢN LÝ AN TOÀN TRONG SỬ DỤNG ĐIỆN**

### **Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh**

#### **1. Sở Công Thương**

a) Thực hiện chức năng của cơ quan quản lý nhà nước về điện lực, chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị điện lực, các đơn vị truyền thông tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về an toàn điện, hướng dẫn nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn trên địa bàn.

b) Thực hiện trách nhiệm của cơ quan chuyên môn khi thẩm định, phê duyệt thiết kế các công trình chuyên ngành, thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy

theo phân cấp; kiểm tra công tác nghiệm thu chất lượng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy theo phân cấp; kiến nghị khắc phục, cải tạo sửa chữa đảm bảo các điều kiện về an toàn điện và an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị điện lực thực hiện công tác kiểm tra về an toàn trong sử dụng điện, lập hồ sơ xử lý các trường hợp sử dụng điện không đảm bảo an toàn.

d) Tổ chức hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn điện đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại cơ sở; kiểm tra các đơn vị điện lực trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật về bảo đảm an toàn điện, ký hợp đồng mua bán điện, sát hạch cấp thẻ an toàn điện. Tổ chức kiểm tra sử dụng điện, việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn điện đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan; lập hồ sơ xử lý các vi phạm quy định về an toàn điện trên địa bàn theo quy định.

đ) Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện đảm bảo an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn theo yêu cầu; kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan đến an toàn điện nhằm triển khai có hiệu quả công tác an toàn trong sử dụng điện, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; giải quyết các khiếu nại, tố cáo và các vấn đề liên quan đến an toàn sử dụng điện trên địa bàn theo thẩm quyền.

## 2. Sở Xây dựng

a) Thực hiện trách nhiệm của cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan thường trực về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định; có trách nhiệm kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế hệ thống điện trong các công trình xây dựng, công trình nhà ở và công trình khác khi thẩm định, phê duyệt các thiết kế có liên quan theo thẩm quyền; kiểm tra bảo đảm các điều kiện an toàn trong quá trình xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý (chung cư, nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật,...), đảm bảo các quy định an toàn về điện.

b) Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc trong giám sát sau cấp phép, kịp thời xử lý, giải quyết theo thẩm quyền đối với các vi phạm về xây dựng.

### 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế khi thẩm định, phê duyệt thiết kế và nghiệm thu các công trình chuyên ngành nông nghiệp và môi trường theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý chuyên ngành điện đảm bảo an toàn về điện, kiến nghị khắc phục, cải tạo sửa chữa đảm bảo các điều kiện về an toàn phòng chống cháy nổ và an toàn điện theo quy định.

### 4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện đảm bảo công tác an toàn lao động trong dạy và học nói chung, công tác an toàn điện trong vận hành, sử dụng dụng cụ thiết bị điện nói riêng; thường xuyên chú trọng nâng cao nhận thức, kỹ năng của người lao động tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn điện và phòng chống cháy nổ trong lao động, sản xuất và cộng đồng.

b) Chỉ đạo các trường học, cơ sở đào tạo trực thuộc phối hợp với các đơn vị điện lực định kỳ tổ chức các chương trình sinh hoạt học tập ngoại khóa nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn điện cho học sinh các cấp, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa ngăn chặn sự cố tai nạn về điện trong sử dụng điện của Nhân dân.

### 5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan truyền thông

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý về công tác thông tin tuyên truyền, chủ trì phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên và các cơ quan thông tin truyền thông khác của tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm tham gia, tuyên truyền về tầm quan trọng, lợi ích, trách nhiệm của việc đảm bảo an toàn trong cung ứng, sử dụng điện trên địa bàn tỉnh, nâng cao nhận thức về an toàn trong sử dụng điện cho cộng đồng, gia đình và cá nhân.

### 6. Công an tỉnh

a) Tham mưu, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị điện lực, các đơn vị truyền thông tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về an toàn điện và an toàn phòng chống cháy nổ trên địa bàn nhằm nâng cao nhận thức, phòng ngừa, ngăn chặn sự cố mất an toàn về điện, đảm bảo an toàn công tác phòng chống cháy nổ.

b) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, Công an cấp xã phối hợp với các đơn vị điện lực thực hiện hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng trong

phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho tổ chức, cá nhân và hộ gia đình sử dụng điện theo quy định; tập trung vào các cơ sở, địa điểm có nguy cơ cao như cơ sở công nghiệp, chung cư cao tầng, khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, nhà kết hợp sản xuất, kinh doanh,...

c) Thực hiện thẩm duyệt điều chỉnh thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy đối với dự án, công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy mà chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy; thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy theo phân cấp; kiến nghị khắc phục, cải tạo sửa chữa đảm bảo duy trì điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định.

d) Thực hiện trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo chức năng; quá trình kiểm tra kiến nghị, xử lý theo quy định các hành vi vi phạm đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cũng như phối hợp trong công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khi có yêu cầu.

### **Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chủ trì, chủ động kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời theo thẩm quyền ngay từ đầu đối với các hành vi đầu tư, cải tạo sửa chữa nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn không đúng quy định, thiết kế lắp đặt hệ thống sử dụng điện không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật và an toàn.

2. Phối hợp các đơn vị điện lực, các đơn vị truyền thông tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về an toàn điện, an toàn phòng chống cháy nổ khi sử dụng điện, hướng dẫn nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện an toàn trên địa bàn.

3. Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn điện đối với các đơn vị điện lực trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo pháp luật về an toàn điện, ký hợp đồng mua bán điện, sát hạch cấp thẻ an toàn điện, kiểm tra sử dụng điện của khách hàng.

4. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn điện đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình đầu tư, cải tạo sửa chữa nhà ở, công trình cũng như trong quá trình sử dụng điện cho sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt, bảo đảm nội dung kiểm tra quy định tại Điều 11

Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; xử lý các vi phạm quy định về an toàn sử dụng điện trên địa bàn đúng quy định và thẩm quyền.

5. Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện đảm bảo an toàn sử dụng điện trên địa bàn theo yêu cầu; giải quyết các khiếu nại, tố cáo và các vấn đề liên quan đến an toàn điện trên địa bàn theo thẩm quyền.

### **Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị điện lực**

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm chung bảo đảm về an toàn điện quy định tại Điều 69 Luật Điện lực, Điều 17 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ, trách nhiệm của bên bán điện quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74 Luật Điện lực; thực hiện đầy đủ việc lắp đặt biển cấm, biển báo, tín hiệu cảnh báo về an toàn điện quy định tại Điều 18 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; thực hiện khắc phục sự cố tai nạn điện quy định tại Điều 19 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; thực hiện chế độ báo cáo về an toàn điện quy định tại Điều 20 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

2. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của đơn vị bán điện trong việc bảo đảm an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ quy định tại Điều 22 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

3. Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị truyền thông xây dựng các chuyên đề, nội dung tuyên truyền và triển khai thực hiện, đa dạng các hình thức tuyên truyền về tầm quan trọng, lợi ích, trách nhiệm của việc đảm bảo an toàn trong cung ứng, sử dụng điện trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả của hoạt động tuyên truyền.

4. Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phải có trách nhiệm phối hợp kiểm tra an toàn hệ thống điện của tổ chức, cá nhân sử dụng điện. Việc kiểm tra phải tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thời gian, địa điểm; bảo đảm nội dung kiểm tra quy định tại Điều 11 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và các quy định của pháp luật liên quan. Trường hợp phát hiện nguy cơ mất an toàn phải kịp thời có biện pháp ngăn chặn hoặc ngừng cấp điện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sử dụng điện**

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm chung bảo đảm về an toàn điện quy định tại Điều 69 Luật Điện lực và Điều 17 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

2. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của bên sử dụng điện quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73, Điều 74 Luật Điện lực, Điều 21 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật về hệ thống điện trong nhà ở, công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy chuẩn về kỹ thuật điện tương ứng khi xây dựng, lắp đặt, sử dụng hệ thống cung cấp điện trong nhà ở, công trình xây dựng của mình và thực hiện đầy đủ các quy định sau:

a) Phải lưu giữ đầy đủ các tài liệu về thiết kế, lắp đặt hệ thống điện (bao gồm cả các sửa đổi, thay thế, phát sinh) và các hướng dẫn như: Quy trình, nội quy và biện pháp tổ chức thực hiện các quy định về an toàn điện tại cơ sở, doanh nghiệp trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện hiện hành. Phải lập hồ sơ quản lý, theo dõi việc vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, kiểm định thiết bị điện. Tại các vị trí vận hành phải có đầy đủ các quy trình về vận hành thiết bị, xử lý sự cố điện, sơ đồ lưới điện, nội quy phòng cháy chữa cháy, trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân, biển cấm, biển báo và các dụng cụ phương tiện cá nhân khác.

b) Các thiết bị, dụng cụ điện phải được kiểm định an toàn kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng và trong quá trình sử dụng, vận hành theo đúng quy định.

c) Người làm công việc vận hành, thí nghiệm, sửa chữa đường dây dẫn điện hoặc thiết bị điện của tổ chức phải được huấn luyện, sát hạch, xếp bậc, cấp thẻ an toàn điện theo quy định.

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn điện trong quá trình sử dụng điện, chịu trách nhiệm xử lý khi có sự cố mất an toàn về điện xảy ra.

đ) Có trách nhiệm phối hợp, hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, đơn vị điện lực để kiểm tra an toàn hệ thống điện của mình; chịu trách nhiệm khắc phục việc sử dụng điện không đảm bảo an toàn, có nguy cơ mất an toàn của mình.

#### **Chương IV**

#### **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Khen thưởng, kỷ luật**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn điện thì được xét khen thưởng. Sở Công Thương là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác bảo vệ an toàn công trình điện lực và an toàn điện trên địa bàn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ an toàn công trình điện lực hoặc thực hiện trách nhiệm về an toàn điện do thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm trái các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác, gây mất an toàn cho lưới điện sẽ bị xử lý kỷ luật, phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 13. Kinh phí hoạt động**

Kinh phí hoạt động cho lĩnh vực quản lý an toàn các công trình điện lực và an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã được cấp từ ngân sách địa phương và quản lý theo quy định của Luật Ngân sách.

**Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Công Thương có nhiệm vụ phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị điện lực tổ chức kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này; báo cáo định kỳ (trước ngày 30 tháng 01 năm sau) về tình hình an toàn điện và các vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực trên địa bàn về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

2. Các đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực tổ chức thực hiện Quy định này; thực hiện báo cáo định kỳ và theo yêu cầu báo cáo nhanh về tai nạn điện chết người và báo cáo về an toàn điện, các vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực về cơ quan cấp trên (nếu có) và Sở Công Thương theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện quy định, nếu có vướng mắc, phát sinh các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh kịp thời./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2025/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 550/TTr-SNNMT ngày 24/11/2025;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 12 năm 2025.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có hoạt động thăm dò khoáng sản có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định trình tự, thủ tục thẩm định và công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo khoản 4 Điều 54 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

### **Chương II**

#### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, CÔNG NHẬN**

#### **KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

##### **Điều 3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

1. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Điều 4. Trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản**

1. Việc tiếp nhận, thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản và trả kết quả hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản được thực hiện

theo quy định tại các Điều 23, 24, 25 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP và các khoản 2, 3, 4 và 5 của Điều này.

## 2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

a) Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản lựa chọn nộp hồ sơ thông qua một trong các hình thức sau: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, hoặc nộp qua Dịch vụ bưu chính công ích (qua đường bưu điện) đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên, hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ <http://dichvucong.gov.vn>).

Để thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính; khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện việc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do, đồng thời hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

Đối với hồ sơ nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn 08 (tám) giờ làm việc kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ.

## 3. Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn không quá 51 ngày đối với khoáng sản nhóm I, II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ, Không quá 36 ngày đối với khoáng sản nhóm III, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra nội dung hồ sơ.

b) Thực hiện thu phí thẩm định hồ sơ theo quy định hiện hành.

c) Gửi Báo cáo thăm dò đến các Ủy viên phản biện, cơ quan chuyên môn về địa chất khoáng sản (trong trường hợp cần thiết) để lấy ý kiến nhận xét về nội dung của Báo cáo kết quả thăm dò. Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức,

cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn đề nghị cho ý kiến, nếu tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được xem như đã đồng ý.

d) Hoàn thành việc tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu tổ chức họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

đ) Tổ chức họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện Báo cáo thăm dò khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua Báo cáo hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện Báo cáo kèm theo biên bản phiên họp của Hội đồng và bản nhận xét của các ủy viên Hội đồng.

Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới. Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường dừng thẩm định và thực hiện thủ tục trả lại hồ sơ.

Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn thẩm định hồ sơ.

e) Tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định việc công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.

#### 4. Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản

Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thì ban hành Quyết định công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, trường hợp không công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### 5. Trả kết quả công nhận kết quả thăm dò

Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan.

**Điều 5. Mẫu biểu sử dụng**

1. Văn bản đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung: Mẫu số 08 - Phụ lục I Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2. Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn: Mẫu số 03 - Phụ lục VI Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3. Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn thuộc thẩm quyền công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Mẫu số 25 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4. Quyết định công nhận báo cáo kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên: Mẫu số 26 - Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 /2025/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1724/TTr-STP ngày 24 tháng 11 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2025.
- Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

b) Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn trong việc cung cấp văn bản để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

c) Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

d) Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Quang Nhất**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 /2025/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái nguyên.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);
3. Đoàn luật sư tỉnh;
4. Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh;
5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là doanh nghiệp);
6. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Đảm bảo sự quản lý toàn diện, thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
2. Đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật;
3. Thực hiện thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả.
4. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

### **Điều 4. Nội dung phối hợp**

1. Phối hợp cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.
2. Phối hợp cập nhật dữ liệu về bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp.
3. Phối hợp trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý; cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp.
4. Phối hợp hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; công khai văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.
5. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là Nghị định số 55/2019/NĐ-CP).

#### **Điều 5. Hình thức phối hợp**

1. Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.
3. Cử đại diện tham gia các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện.
4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

### **Chương II**

#### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 6. Phối hợp cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật**

1. Ngay trong ngày văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được ký ban hành hoặc chậm nhất là trong buổi sáng của ngày làm việc tiếp theo, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (bản điện tử bao gồm cả định dạng word và pdf) đến Sở Tư pháp qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh để thực hiện cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật và tình trạng hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong thời hạn quy định tại Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

3. Cơ quan cung cấp văn bản quy phạm pháp luật và cơ quan cập nhật văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Khi phát hiện có sai lệch thông tin cơ bản của văn quy phạm pháp luật do mình cung cấp phải kịp thời phản ánh đến cơ quan cập nhật văn bản để thực hiện việc hiệu đính văn bản.

Việc hiệu đính văn bản phải được thực hiện kịp thời và không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông báo. Sau khi tiến hành hiệu đính văn bản, cơ quan thực hiện cập nhật văn bản phải thông báo công khai nội dung hiệu đính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

4. Doanh nghiệp được tiếp cận, khai thác miễn phí thông tin của văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (địa chỉ: <https://vbpl.vn/pages/portal.aspx>) quy định tại khoản 1, 2 Điều này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đã có hiệu lực pháp luật mà chưa được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật thì doanh nghiệp có quyền đề nghị Sở Tư pháp kịp thời cập nhật văn bản đó.

**Điều 7. Phối hợp trong cập nhật dữ liệu về bản án, quyết định của toà án; phán quyết của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp**

1. Toà án nhân dân tỉnh; Toà án nhân dân khu vực công bố bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của toà án trên Cổng thông tin điện tử của toà án theo quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Toà án.

2. Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường công bố quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Kết nối Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên với cổng thông tin điện tử công khai các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp mà Ủy ban nhân dân tỉnh là một bên có liên quan.

b) Gửi các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà Ủy ban nhân dân tỉnh là một bên có liên quan đến Bộ Tư pháp để cập nhật lên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

4. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí thông tin dữ liệu quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

**Điều 8. Phối hợp trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý; cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp**

1. Phối hợp trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì trả lời hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời đối với vướng mắc pháp lý và chịu trách nhiệm đối với nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

2. Phối hợp cập nhật dữ liệu văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp

a) Đối với văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp lên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản được ký ban hành; gửi văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh đến Bộ Tư pháp để cập nhật lên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

b) Đối với văn bản trả lời của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trả lời đối với vướng mắc pháp lý.

Cơ quan, đơn vị ban hành văn bản trả lời gửi văn bản trả lời của mình đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày văn bản được ký ban hành để cập nhật lên Cổng thông tin điện tử tỉnh; gửi đến Bộ Tư pháp để cập nhật lên Trang Thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản trả lời của cơ quan, đơn vị lên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản.

3. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí thông tin dữ liệu của văn bản trả lời đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

**Điều 9. Phối hợp trong việc hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; công khai văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp**

1. Sở Tư pháp

a) Làm đầu mối thực hiện hoạt động hỗ trợ chi phí tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; lập dự toán kinh phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp, gửi văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ các thông tin

về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để cập nhật lên Công thông tin điện tử tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp lên Công thông tin điện tử tỉnh trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản.

3. Sở Tài chính bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phối hợp với cung cấp thông tin liên quan trong hoạt động hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, công khai văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí thông tin của văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp quy định tại Điều này.

### **Điều 10. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP**

#### **1. Sở Tư pháp**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh, tổ chức khác có liên quan xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai, tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

c) Tổng hợp, xây dựng báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất tiến độ thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

#### **2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Căn cứ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của cơ quan, đơn vị mình, đồng gửi Sở Tư pháp theo dõi, tổng hợp.

3. Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các hoạt động của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 11. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Sở Tài chính tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về ngân sách.

### **Điều 12. Trách nhiệm thi hành**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi lĩnh vực thẩm quyền quản lý có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện Điều 7 Quy chế này.

3. Đoàn Luật sư tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này và pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2025/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy chế phối hợp quản lý và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 3233/TTr-SCT ngày 24 tháng 11 năm 2025.*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2025.

Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp quản lý và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thanh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

### Phối hợp quản lý và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành, các cơ quan đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.
- Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh, Thuế tỉnh Thái Nguyên, Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Ngân hàng Nhà nước Khu vực 5, Hải quan Thái Nguyên.
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh.
- Hiệp hội thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên.
- Các Hội doanh nghiệp, Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, cá nhân có liên quan đến hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

#### Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong công tác quản lý và phát triển thương mại điện tử.
- Công tác phối hợp quản lý phải thường xuyên, liên tục; phát huy tính chủ động của các cơ quan, đơn vị đảm bảo chặt chẽ, kịp thời, phù hợp với nhu cầu

thực hiện nhiệm vụ được giao; không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ và cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Công tác phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Các cơ quan chủ động giải quyết những vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan nhằm đảm bảo tính đồng bộ, liên tục, không trùng lặp trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

4. Tạo điều kiện tối đa cho xã, phường, doanh nghiệp phát huy tính sáng tạo, phối hợp chặt chẽ theo ngành, lĩnh vực và quản lý theo địa bàn; đảm bảo các nguồn lực cần thiết để thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Nội dung phối hợp**

1. Đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình phát triển thương mại điện tử trong lĩnh vực thương mại trên địa bàn tỉnh.

2. Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về thương mại điện tử.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực phục vụ thương mại điện tử và kinh tế số.

4. Tổ chức thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai, ứng dụng thương mại điện tử.

5. Phối hợp thực hiện công tác thống kê, điều tra, khảo sát về hoạt động thương mại điện tử.

6. Cung cấp, trao đổi, cập nhật thông tin, báo cáo giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động thương mại điện tử theo quy định của pháp luật.

7. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thương mại điện tử.

8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động thương mại điện tử.

#### **Điều 5. Phương thức phối hợp**

1. Bằng văn bản hoặc qua phương thức điện tử theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Thông qua tổ chức họp, hội thảo.

3. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.
4. Các hình thức phối hợp phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

#### **Điều 6. Sở Công Thương**

##### **1. Chủ trì các nội dung**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các xã, phường tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phát triển thương mại điện tử; tổ chức phổ biến, hướng dẫn triển khai các quy định pháp luật về phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

b) Là đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến bằng các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và Nhân dân về thương mại điện tử.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thu thập số liệu thống kê về tình hình ứng dụng thương mại điện tử của địa phương, hằng năm báo cáo Bộ Công Thương để tổng hợp; khảo sát tình hình ứng dụng thương mại điện tử của các doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh làm cơ sở dữ liệu dùng chung cho hoạt động quản lý nhà nước về thương mại điện tử và phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về kinh doanh trong hoạt động thương mại điện tử; xây dựng tiêu chí, đánh giá hoạt động phát triển thương mại điện tử các xã, phường thuộc tỉnh.

d) Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân liên quan và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để kiến nghị, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung phối hợp cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và hướng dẫn của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương có liên quan.

đ) Tổng hợp, báo cáo về hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh với Bộ Công Thương, UBND tỉnh theo quy định.

e) Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả phối hợp quản lý và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

g) Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao của Sở Công Thương theo quy định hiện hành.

h) Tham gia góp ý vào các kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ về thương mại điện tử của các sở, ngành, đơn vị, địa phương đề xuất triển khai trước khi trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

i) Tổ chức các hoạt động, dự án, kế hoạch để thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

## 2. Phối hợp các nội dung

a) Trao đổi thông tin với: Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh, Thuế tỉnh Thái Nguyên, Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Hải quan Thái Nguyên, Ngân hàng Nhà nước khu vực 5 và các cơ quan, đơn vị chức năng về các nội dung liên quan đến thông tin doanh nghiệp, thương nhân, cá nhân kinh doanh sàn giao dịch điện tử, website bán hàng, tài khoản mạng xã hội có hoạt động bán hàng.

b) Là đầu mối phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan quản lý và phát triển các hoạt động logistics trong thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

## 3. Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan phổ biến, tuyên truyền pháp luật về thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại điện tử trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn.

c) Phối hợp trao đổi nắm bắt thông tin với các cơ quan, đơn vị về các doanh nghiệp, thương nhân, cá nhân kinh doanh sàn thương mại điện tử, website bán hàng, tài khoản mạng xã hội có bán hàng, hoạt động logistics trên địa bàn tỉnh.

d) Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý về lĩnh vực thương mại điện tử theo quy định của pháp luật.

## 4. Chỉ đạo Trung tâm Xúc tiến thương mại

a) Hằng năm, xây dựng kế hoạch về hoạt động thương mại điện tử để quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử (livestream bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử; hỗ trợ, thông tin, vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các sàn thương mại điện tử); tổ chức các hoạt động giao thương, kết nối thông qua các sàn thương mại điện tử, trang thông tin điện tử, báo cáo Sở Công Thương theo quy định.

b) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử thông qua: Trang thông tin điện tử Sở Công Thương; Ngày hội mua sắm trực tuyến Thái Nguyên (Online Friday) góp phần xây dựng thị trường và nâng cao nhận thức, lòng tin người tiêu dùng trong thương mại điện tử.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã quảng bá thương hiệu tạo dựng hình ảnh chuyên nghiệp và tăng cường uy tín với khách hàng.

### **Điều 7. Sở Tài chính**

1. Trên cơ sở dự toán do các cơ quan, đơn vị xây dựng (sau khi có ý kiến của Sở Công Thương), căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp dự toán trình cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các hoạt động về thương mại điện tử phù hợp với phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

2. Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc cung cấp thông tin doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Công Thương quản lý doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thương mại điện tử; hỗ trợ các nhà đầu tư/chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng thương mại điện tử, công trình phục vụ hoạt động thương mại điện tử, hoạt động logistics trên địa bàn tỉnh.

4. Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

### **Điều 8. Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Chủ trì các nội dung

a) Là đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, tư vấn cho các tổ chức, cá nhân các nội dung liên quan đến công nghệ thông tin;

hướng dẫn triển khai các vấn đề về an toàn trong giao dịch điện tử, chữ ký số, chứng thực điện tử, các chuẩn trao đổi dữ liệu.

b) Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

c) Chủ trì hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về hoạt động thương mại điện tử trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm hàng hóa, việc truy xuất nguồn sản phẩm hàng hóa.

d. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra và xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng, truy xuất nguồn sản phẩm hàng hóa trong hoạt động thương mại điện tử (theo nội dung ngành quản lý).

## 2. Phối hợp các nội dung

a) Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp an toàn thông tin mạng, bảo mật trong giao dịch thương mại điện tử; tổ chức đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp số liệu tên miền website; nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ thu thập số liệu website, tài khoản mạng xã hội đã đăng ký trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

## **Điều 9. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

### 1. Chủ trì các nội dung

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các ứng dụng tham gia truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử trong quảng bá sản phẩm nông sản, khuyến khích các cơ sở sản xuất tiêu biểu, hệ thống phân phối uy tín tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử, sử dụng các công cụ trong thanh toán điện tử không dùng tiền mặt.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các hoạt động quảng bá sản phẩm nông sản gắn với thương mại điện tử để xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các ứng dụng tham gia truy xuất nguồn gốc nông sản.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các chương trình tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực ngành quản lý; phối hợp

thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm sản phẩm nông, lâm, thủy sản trong hoạt động thương mại điện tử.

d) Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

## 2. Phối hợp các nội dung

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các chương trình tập huấn kiến thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong phân phối nông sản và lĩnh vực an toàn thực phẩm trên môi trường mạng (theo lĩnh vực ngành quản lý).

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

## **Điều 10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí của tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở xây dựng các chương trình, chuyên mục tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thương mại điện tử nhằm phản ánh, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan về hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

## **Điều 11. Sở Tư pháp**

1. Phối hợp với Sở Công Thương rà soát, đánh giá và đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật về thương mại điện tử; thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử.

2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

## **Điều 12. Sở Y tế**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn kiến thức về lĩnh vực an toàn thực phẩm và kiểm tra, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm trên môi trường mạng (theo nội dung ngành quản lý).

2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

### **Điều 13. Công an tỉnh**

#### 1. Chủ trì các nội dung

a) Chủ động nắm tình hình, phát hiện và đấu tranh với các hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động thương mại điện tử; tiến hành điều tra, xử lý nghiêm đối với các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự để tăng tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

b) Cử lực lượng phối hợp với cơ quan chức năng của Sở Công Thương, trong công tác phòng, chống buôn lậu, sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng cấm, gian lận thương mại và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên môi trường mạng theo thẩm quyền.

c) Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

#### 2. Phối hợp các nội dung

a) Phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong trao đổi thông tin, tài liệu về phương thức, thủ đoạn lợi dụng hoạt động thương mại điện tử để phạm tội; thông tin về các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng mạng xã hội, các sàn giao dịch thương mại điện tử, website bán hàng.

b) Tăng cường tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về thương mại điện tử, diễn biến, tính chất, phương thức, thủ đoạn của hành vi vi phạm nhằm nâng cao năng lực bảo mật, phòng ngừa gian lận thương mại cho các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch thương mại điện tử.

### **Điều 14. Thanh tra tỉnh**

1. Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức, cá nhân có hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác của các tổ chức, cá nhân về vi phạm liên quan đến hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh; tổ chức thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm theo quy định hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Phát hiện sơ hở, bất cập trong quản lý nhà nước về hoạt động thương mại điện tử để kiến nghị UBND tỉnh, Bộ, ngành sửa đổi, bổ sung theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Công Thương, Công an tỉnh, các sở, ngành trong kiểm tra hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 15. Thuế tỉnh Thái Nguyên**

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến các điểm mới về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử đến các tổ chức, cá nhân và hộ kinh doanh.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong chống thất thu thuế, đôn đốc thu nộp ngân sách nhà nước đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai giải pháp quản lý tem điện tử rọu và tem điện tử thuốc lá sản xuất trong nước trên địa bàn tỉnh.

4. Trao đổi thông tin với Sở Công thương về các doanh nghiệp, thương nhân, cá nhân kinh doanh sàn thương mại điện tử, website bán hàng, tài khoản mạng xã hội có bán hàng, hoạt động logistics theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Cập nhật và tổng hợp biểu báo cáo hoạt động quản lý thuế từ thương mại điện tử theo tháng/quý/năm gửi Sở Công Thương tổng hợp báo cáo theo quy định.

6. Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

### **Điều 16. Thống kê tỉnh Thái Nguyên**

1. Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động phát triển thương mại điện tử các xã, phường thuộc tỉnh.

2. Phối hợp cung cấp số liệu cho Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan về các chỉ tiêu kinh tế số và hoạt động logistics (theo Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg, ngày 24/02/2023) sau khi Tổng cục Thống kê công bố số liệu cho các tỉnh, thành phố.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

### **Điều 17. Hải quan Thái Nguyên**

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền pháp luật về thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân hoạt động xuất nhập khẩu thông qua thương mại điện tử trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

2. Cung cấp số liệu cho Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan số liệu về các tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được giao dịch qua thương mại điện tử; tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, chủ sở hữu website thương mại điện tử bán hàng; doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử; doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành.

### **Điều 18. Ngân hàng Nhà nước Khu vực 5**

#### 1. Chủ trì các nội dung

a) Chỉ đạo các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, quảng bá, vận động, hướng dẫn, giới thiệu về các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt cho người dân và lợi ích của thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc quản lý, giám sát các giao dịch thanh toán hỗ trợ công tác quản lý thuế đối với hoạt động cung cấp dịch vụ xuyên biên giới trong thương mại điện tử theo quy định của pháp luật

#### 2. Phối hợp nội dung

Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan chức năng tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật, phát hiện, đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thanh toán thẻ, ATM, POS và các phương thức thanh toán sử dụng công nghệ cao.

### **Điều 19. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên**

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền pháp luật và các hoạt động về thương mại điện tử trên các ấn phẩm của Báo Thái Nguyên, truyền hình Thái Nguyên và chia sẻ trên các nền tảng mạng xã hội (Facebook, Zalo, TikTok, Youtube); chủ động xây dựng chuyên mục riêng trên Báo điện tử

Thái Nguyên, truyền hình Thái Nguyên về chuyển đổi số, kinh tế số, thương mại điện tử; nghiên cứu đưa nội dung thương mại điện tử vào kênh phát thanh của Thái Nguyên.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền pháp luật và các hoạt động về thương mại điện tử đến các tổ chức, nhân dân trên địa bàn tỉnh; chủ động xây dựng chuyên mục thương mại điện tử, các mô hình điển hình về kinh tế số, thương mại điện tử và các hoạt động khác hỗ trợ việc phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm về hoạt động quản lý và phát triển thương mại điện tử trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành

### **Điều 20. UBND các xã, phường**

#### 1. Chủ trì các nội dung

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn ở địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về thương mại điện tử cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân trên địa bàn nhằm nâng cao nhận thức khi tham gia và khai thác các ứng dụng thương mại điện tử; tăng cường khả năng nhận biết và ứng phó với những hành vi tiêu cực trong thương mại điện tử; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền triển khai các chính sách thuế áp dụng với người nộp thuế có hoạt động thương mại điện tử; việc áp dụng hóa đơn điện tử bao gồm hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đến nhân dân trên địa bàn.

b) Là đầu mối thực hiện các hoạt động phát triển thương mại điện tử tại địa phương; phối hợp với Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện khảo sát về hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn hàng năm hoặc theo yêu cầu.

c) Xây dựng kế hoạch phát triển thương mại điện tử hoặc lồng ghép vào Đề án, Kế hoạch phát triển thương mại - dịch vụ giai đoạn, hàng năm báo cáo UBND tỉnh (gửi qua Sở Công Thương tổng hợp).

d) Bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động phát triển thương mại điện tử tại địa phương phù hợp với phân cấp ngân sách.

#### 2. Phối hợp các nội dung

a) Phối hợp tham gia các hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn với những chủ đề

chuyên sâu về thương mại điện tử nhằm kịp thời cập nhật văn bản pháp luật phục vụ công tác thương mại điện tử; đồng thời tổ chức các lớp tập huấn về ứng dụng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân trên địa bàn quản lý theo các chuyên đề phù hợp với từng lĩnh vực cụ thể.

b) Phối hợp rà soát, cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân có hoạt động thương mại điện tử; rà soát người nộp thuế có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử trên địa bàn quản lý nhằm phục vụ công tác điều tra, khảo sát, thống kê về hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp tham gia kiểm tra liên ngành định kỳ hoặc đột xuất đối với hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu của cơ quan chủ trì.

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định về công tác quản lý và phát triển thương mại điện tử theo lĩnh vực phân công, quản lý của đơn vị.

### **Điều 21. Các Hội, Hiệp hội trên địa bàn tỉnh**

1. Phối hợp tham gia các sự kiện, chương trình, hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn với những chủ đề chuyên sâu về thương mại điện tử do các sở, ngành, UBND các xã, phường tổ chức nhằm kịp thời cập nhật các công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, kết nối khách hàng, bán hàng đa kênh.

2. Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị có liên tổ chức các trương trình livestream giới thiệu sản phẩm trực tuyến, bán hàng qua nền tảng thương mại điện tử (website bán hàng, tiktok, facebook...); phối hợp công tác tuyên truyền, tư vấn các doanh nghiệp, hợp tác xã, thương nhân, cá nhân tham gia hoạt động thương mại điện tử theo đúng quy định của pháp luật.

3. Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình hoạt động thương mại điện tử của tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu cho cơ quan quản lý nhà nước để phục vụ công tác điều tra, thống kê về hoạt động thương mại điện tử.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động thương mại điện tử của đơn vị về Sở Công Thương để tổng hợp.

5. Xây dựng dự toán chi thường xuyên hằng năm nhằm thúc đẩy hoạt động ứng dụng và phát triển thương mại điện tử.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Công Thương là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện quy chế này.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị cần tổng hợp, phản ánh bằng văn bản về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương xem xét, quyết định./.

**CÔNG BÁO** tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ : Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ: “Văn bản đăng trên Công báo là văn bản chính thức và có giá trị như bản gốc. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa Công báo in và Công báo điện tử thì sử dụng Công báo in làm căn cứ chính thức”.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo in được in trên giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua đề nghị liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên.

---

## **VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: [portal@thainguyen.gov.vn](mailto:portal@thainguyen.gov.vn)

Website: [www.congbaothainguyen.gov.vn](http://www.congbaothainguyen.gov.vn)